TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2026/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 10 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Vũ Mỹ Lệ.

Thư ký phiên họp: Bà Phạm Thanh Huyền - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên họp: Bà Phạm Đài Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 10/4/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 82/2026/TLST-HNGĐ ngày 11/3/2026 về việc: *"Yêu cầu huỷ đăng ký kết hôn trái pháp luật"* theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2026/QĐST-VDS ngày 26/3/2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Giàng Thị C, sinh năm 1998; nghề nghiệp: Lao động tự do; CCCD số 002198006118, cấp ngày 25/6/2021.

- Anh Vàng Khái T, sinh năm 1996; nghề nghiệp: Lao động tự do; CCCD số 002096002237, cấp ngày 25/10/2023.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã P, tỉnh Tuyên Quang.

(Anh T, chị C cùng có đơn đề nghị mở phiên họp vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chủ tịch Uỷ ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã P, tỉnh Tuyên Quang. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Xuân H, chức vụ: Chủ tịch UBND xã P.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Vũ Văn K, chức vụ: Phó chủ tịch UBND xã P, tỉnh Tuyên Quang. Địa chỉ: Xã P, tỉnh Tuyên Quang. *(Giấy uỷ quyền số 11/GUQ-UBND, ngày 24/3/2026).*

Ông Vũ Văn K có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 09/4/2026.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- Theo Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 26/02/2026; Đơn yêu cầu sửa đổi, bổ sung ngày 11/3/2026; Bản tự khai ngày 25/12/2025 người yêu cầu giải quyết việc dân sự anh Vàng Khái T, chị Giàng Thị C trình bày: Do không hiểu biết nên trước đây anh Vàng Khái T đã khai ngày, tháng, năm sinh trong các

giấy tờ không đúng với ngày, tháng, năm sinh trong giấy khai sinh gốc của mình. Khi đi đăng ký kết hôn anh, chị không mang theo Giấy khai sinh mà chỉ mang theo Giấy chứng minh nhân dân dẫn đến việc đăng ký kết hôn không đúng với tuổi thật của anh T. Hiện nay giữa các giấy tờ tuỳ thân của anh V Khái Thành có sự sai lệch về ngày, tháng, năm sinh dẫn đến khó khăn cho gia đình anh, chị trong việc thực hiện các thủ tục hành chính; Theo Giấy khai sinh gốc (Giấy khai sinh số 03, quyển số 03 do Ủy ban nhân dân xã K, thị xã H, tỉnh Hà Giang cũ cấp ngày 03/01/2002) thì anh V Khái Thành sinh ngày 14/12/1996, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, ngày 28/01/2016 thì anh T khai sinh ngày 12/01/1995 theo Giấy chứng minh nhân dân là không đúng thực tế. Như vậy khi anh Vàng Khái T và chị Giàng Thị C đi đăng ký kết hôn thì anh T chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nay anh, chị đề nghị Toà án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang giải quyết yêu cầu, cụ thể: Huỷ Giấy chứng nhận kết hôn số 01, đăng ký ngày 28/01/2016 giữa người vợ là Giàng Thị C, sinh ngày 04/01/1998 và người chồng là Vàng Khái T, sinh ngày 12/01/1995. Nơi đăng ký kết hôn là Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh Hà Giang (nay là UBND xã P, tỉnh Tuyên Quang) và đồng thời yêu cầu Toà án công nhận kết hôn hợp pháp giữa vợ chồng anh T, chị C theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình vì anh, chị đã đủ điều kiện kết hôn và hiện tại vẫn chung sống hạnh phúc.

Kèm theo đơn yêu cầu anh Vàng Khái T, chị Giàng Thị C đã cung cấp tài liệu, chứng cứ là: Giấy chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh; Căn cước công dân và giấy chứng minh nhân dân của anh V Khái Thành để đối chiếu, chứng minh cho yêu cầu của mình.

- Theo văn bản trình bày ý kiến ngày 24/3/2026 và ngày 09/4/2026 người đại diện theo uỷ quyền của Chủ tịch UBND xã P, tỉnh Tuyên Quang trình bày:

Qua kiểm tra hồ sơ gốc lưu tại UBND xã P, tỉnh Tuyên Quang hiện nay: Trong sổ đăng ký khai sinh của công dân Vàng Khái T theo Giấy khai sinh số 03/Q03/2002, đăng ký khai sinh ngày 03/01/2002 thì anh Vàng Khái T sinh ngày 14/12/1996 tại xã K, thị xã H, tỉnh Hà Giang (cũ). Ngày 03/01/2002 anh Vàng Khái T mới được đăng ký khai sinh tại UBND xã K, huyện V, tỉnh Hà Giang *(nay là UBND xã P, tỉnh Tuyên Quang).*

Trong Sổ đăng ký kết hôn của công dân Vàng Khái T có thông tin như sau: Giấy chứng nhận kết hôn số 01/Q01/2016 thì anh Vàng Khái T sinh ngày 12/01/1995, đăng ký kết hôn ngày 28/01/2016. Giấy tờ tuỳ thân khi đăng ký kết hôn của anh Vàng Khái T, chị Giàng Thị C là Chứng minh thư nhân dân, không phải Giấy khai sinh. Như vậy khi đăng ký kết hôn anh T, chị C không cung cấp Giấy khai sinh để làm căn cứ xác định điều kiện kết hôn là không đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật về giấy tờ hộ tịch gốc của cá nhân và việc UBND xã K, huyện V, tỉnh Hà Giang (trước đây) đã đăng ký kết hôn cho anh T, chị C là sai vì theo Giấy khai sinh gốc thì khi đăng ký kết hôn anh Vàng Khái T chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật.

Do vậy, nay anh Vàng Khái T, chị Giàng Thị C yêu cầu Toà án giải quyết huỷ đăng ký kết hôn và công nhận quan hệ vợ chồng hợp pháp tại thời điểm đủ

điều kiện đăng ký kết hôn, Chủ tịch UBND xã P nhất trí, đề nghị TAND khu vực 4 - Tuyên Quang xem xét, giải quyết yêu cầu của anh T, chị C theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp: Anh Vàng Khái T, chị Giàng Thị C đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt vì lý do công việc anh chị đi làm công nhân công ty ở xa không có mặt tham gia tố tụng được. Người đại diện theo uỷ quyền của Chủ tịch UBND xã P cũng có đơn đề nghị Toà án giải quyết vụ việc vắng mặt vì lý do công tác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Tuyên Quang tham gia phiên họp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký phiên họp và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết việc dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm mở phiên họp đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Anh T, chị C yêu cầu Toà án Huỷ đăng ký kết hôn trái pháp luật, đây là yêu cầu về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang.

Về việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết việc dân sự: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết việc dân sự; tại phiên họp người yêu cầu anh T, chị C và đại diện theo uỷ quyền của Chủ tịch UBND xã P đều đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt do đó đề nghị Thẩm phán tiến hành phiên họp theo quy định.

Về nội dung giải quyết việc dân sự: Căn cứ các quy định tại Điều 8, 9, 10, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 29, 361, 362, 366 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Giàng Thị C và anh Vàng Khái T.

- Tuyên hủy việc đăng ký kết hôn trái pháp luật giữa chị Giàng Thị C và anh Vàng Khái T theo quy định của pháp luật. Công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa chị Giàng Thị C và anh Vàng Khái T từ thời điểm anh T đủ 20 tuổi, ngày 15/12/2016.

- Về lệ phí: Chị Giàng Thị C và anh Vàng Khái T không phải chịu lệ phí sơ thẩm hôn nhân gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang nhận định:

[1] Về tố tụng: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự chị Giàng Thị C và anh Vàng Khái T có địa chỉ cư trú tại thôn Đ, xã M, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang. Tại phiên họp vắng mặt người yêu cầu là anh T, chị C và người đại diện theo uỷ quyền của

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên các đương sự đều đã có đơn đề nghị Toà án tiến hành phiên họp giải quyết vắng mặt, do đó căn cứ vào quy định tại khoản 2, 3 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang tiến hành phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự là có căn cứ.

[2] Về xác định quan hệ pháp luật: Quá trình thụ lý vụ án Toà án đã xác định quan hệ pháp luật để giải quyết là *"Yêu cầu huỷ đăng ký kết hôn trái pháp luật"*. Tuy nhiên căn cứ vào các yêu cầu cụ thể của người yêu cầu theo Đơn đề nghị ngày 06/4/2026 thì anh T, chị C hiện nay vẫn chung sống hợp pháp nên có yêu cầu Toà án giải quyết nội dung: *"Huỷ đăng ký kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân hợp pháp"*. Do đó Toà án xác định lại quan hệ pháp luật là: *"Yêu cầu huỷ đăng ký kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân hợp pháp"*.

[3] Về nội dung: Chị Giàng Thị C và anh Vàng Khái T đều xác nhận thời điểm hai vợ chồng kết hôn ngày 28/1/2016 tại UBND xã K, huyện V, tỉnh Hà Giang (trước đây) chị Giàng Thị C và anh Vàng Khái T đã dùng giấy tờ tuỳ thân là Chứng minh nhân dân để đăng ký nhưng trong thời điểm này ngày, tháng, năm sinh giữa chứng minh nhân dân và giấy khai sinh không trùng khớp với nhau. Chứng minh nhân dân để ngày 12/01/1995, còn giấy khai sinh để ngày 14/12/1996 nên khi đăng ký kết hôn theo giấy khai sinh là anh T chưa đủ tuổi kết hôn, theo đó các giấy tờ tuỳ thân của anh T không khớp nhau về ngày, tháng, năm sinh dẫn đến khó khăn trong việc thực hiện các thủ tục hành chính. Hiện nay anh chị vẫn chung sống hạnh phúc. Do đó anh chị yêu cầu Tòa án hủy đăng ký kết hôn trái pháp luật và công nhận kết hôn hợp pháp giữa vợ chồng anh chị vì đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Xét yêu cầu huỷ đăng ký kết hôn trái pháp luật của anh T, chị C: Theo các tài liệu, chứng cứ do anh T, chị C cung cấp phù hợp với tài liệu, chứng cứ do UBND xã P cung cấp từ hồ sơ gốc, qua đối chiếu, đánh giá giữa Giấy khai sinh, Chứng minh nhân dân và Căn cước công dân của anh Giàng Khái T1 thấy rằng: Trong sổ đăng ký khai sinh của công dân Vàng Khái T theo Giấy khai sinh số 03/Q03/2002, đăng ký khai sinh ngày 03/01/2002 thì anh Vàng Khái T sinh ngày 14/12/1996; Căn cước công dân số 002096002237, cấp ngày 25/10/2023 anh Vàng Khái T sinh ngày 14/12/1996. Như vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 28/01/2016 thì anh Vàng Khái T mới được 19 tuổi 01 tháng 14 ngày, chưa đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc UBND xã K, huyện V, tỉnh Hà Giang (Nay là xã P, tỉnh Tuyên Quang) thực hiện đăng ký kết hôn cho anh T, chị C căn cứ vào Chứng minh nhân dân có thông tin ngày, tháng, năm sinh không trùng khớp với Giấy khai sinh đã dẫn đến việc xác định sai độ tuổi kết hôn và đăng ký kết hôn cho anh T khi chưa đủ tuổi theo quy định. Do đó, có căn cứ xác định việc đăng ký kết hôn giữa chị Giàng Thị C và anh V Khái Thành của UBND xã K, huyện V, tỉnh Hà Giang (Nay là xã P, tỉnh Tuyên Quang) là vi phạm điều kiện kết hôn, thuộc trường hợp kết hôn trái pháp luật theo quy định của pháp luật nên cần căn cứ quy định tại khoản 1, khản 3 Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Huỷ kết hôn trái pháp luật theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01/Q01/2016, đăng ký ngày 28/01/2016.

[5] Xét yêu cầu công nhận hôn nhân hợp pháp của anh T, chị C: Theo Bản tự khai và đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt của anh T, chị C đều xác định vợ chồng hiện vẫn đang chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn trong quá trình chung sống, do đó anh chị đề nghị Toà án công nhận hôn nhân hợp pháp cho anh chị. Căn cứ khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *"2. Trong trường hợp tại thời điểm Toà án giải quyết yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật mà cả hai bên kết hôn đã có đủ các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật này và hai bên yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân thì Toà án công nhận quan hệ hôn nhân đó. Trong trường hợp này, quan hệ hôn nhân được xác lập từ thời điểm các bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này".*

Tại điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cũng quy định: *"Nếu hai bên cùng kết hôn cùng yêu cầu Toà án công nhận quan hệ hôn nhân thì Toà án quyết định công nhận quan hệ hôn nhân đó kể từ thời điểm các bên kết hôn có đủ điều kiện kết hôn".*

Như vậy anh Vàng Khái T và chị Giàng Thị C có quyền yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp kể từ thời điểm anh Vàng Khái T đủ tuổi kết hôn; anh Vàng Khái T sinh ngày 14/12/1996, thời điểm anh T đủ điều kiện kết hôn là ngày 15/12/2016. Do đó, cần công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa chị Giàng Thị C và anh Vàng Khái T từ thời điểm anh T đủ 20 tuổi, ngày 15/12/2016.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên họp là có phù hợp, cần chấp nhận.

[7] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 11 Nghị quyết 326 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Anh Vàng Khái T, chị Giàng Thị C không phải chịu lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự .

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 11 Điều 29; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149; khoản 2 Điều 369; Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm d, khoản 2, Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Giàng Thị C và anh Vàng Khái T.

Tuyên Huỷ kết hôn trái pháp luật theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01/Q01/2016, đăng ký ngày 28/01/2016 do Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh Hà Giang cấp *(Nay là UBND xã P, tỉnh Tuyên Quang).*

2. Công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp của anh Vàng Khái T, sinh ngày 14/12/1996 và chị Giàng Thị C, sinh ngày 04/01/1998, kể từ thời điểm anh V Khái Thành đủ tuổi kết hôn là ngày 14 tháng 12 năm 2016.

3. Về lệ phí: Chị Giàng Thị C và anh Vàng Khái T được miễn lệ phí giải quyết sơ thẩm việc dân sự theo quy định của pháp luật.

4. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định này trong hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7[a] và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND KV4 - Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Vũ Mỹ Lệ